

Số: **244** /QĐ-VICEM

Hà Nội, ngày **06** tháng **02** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Tiết kiệm, chống lãng phí ngày 10/12/2025 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026);

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 2097/QĐ-BXD ngày 24/11/2025 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2444/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban VICEM; đơn vị trực thuộc VICEM; Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc công ty TNHH MTV do VICEM nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn của VICEM tại công ty cổ phần do VICEM nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn của VICEM tại công ty liên doanh, liên kết của VICEM chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Đảng ủy VICEM (để b/c);
- HĐQT VICEM (để b/c);
- Ban TGD VICEM;
- Công đoàn VICEM (để p/h);
- Lưu: VT, TCKT.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC 

Ngô Đức Lưu

CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2026

CỦA TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số **244/QĐ-VICEM** ngày **06** tháng **02** năm 2026
của Tổng giám đốc VICEM)

I. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng

Chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM) được áp dụng đối với:

- Cán bộ, người lao động trong toàn VICEM, bao gồm: Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị thuộc Công ty mẹ - VICEM; công ty TNHH MTV do VICEM nắm giữ 100% vốn điều lệ; công ty có cổ phần do VICEM nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là các đơn vị);
- Người đại diện phần vốn của VICEM tại các công ty liên doanh, liên kết thuộc VICEM.

2. Mục đích

Triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP); Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình về tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Bộ Xây dựng một cách có hiệu quả, thiết thực trong đơn vị.

Xây dựng văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; nâng cao ý thức trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân về công tác TK, CLP.

3. Yêu cầu

- Bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tại Quyết định 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 17/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; Quyết định số 2097/QĐ-BXD ngày 24/11/2025 của Bộ Xây dựng ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 806/QĐ-TTg và Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 2444/QĐ-BXD ngày 29/12/2025.

- TK, CLP là trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được giao, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Thủ trưởng các đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao căn cứ hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định để xây dựng định mức, tiêu chuẩn, chế độ áp dụng tại đơn vị mình làm cơ sở cho việc tổ chức triển khai TK, CLP.

- Chương trình TK, CLP phải đảm bảo tính toàn diện, nhưng cần có trọng tâm, trọng điểm, phải gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thúc đẩy áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh, sắp xếp tổ chức lao động, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về TK, CLP

- Thủ trưởng các đơn vị phối hợp với các đoàn thể, tổ chức quần chúng tại đơn vị (Công đoàn, Đoàn thanh niên,...) tiếp tục phổ biến, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013, Luật Tiết kiệm, chống lãng phí ngày 10/12/2025, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014, Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội và các Chương trình hành động của Chính phủ, của Bộ Xây dựng và VICEM về TK, CLP nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động trong chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về TK, CLP.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân điển hình trong TK, CLP; thực hiện các biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí trong cơ quan, đơn vị.

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế, quy định để tổ chức triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Trên cơ sở Luật TK, CLP; Nghị định hướng dẫn và các văn bản pháp luật có liên quan; Công ty mẹ - VICEM và các công ty thành viên tiếp tục rà soát các văn bản đã ban hành liên quan đến TK, CLP để kịp thời xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; tập trung vào lĩnh vực quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại VICEM và công ty thành viên, các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định pháp luật và thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tập trung rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật gồm: Quy chế Hoạt động của người đại diện phần vốn của VICEM tại các doanh nghiệp; Quy chế Quản lý tài chính của VICEM; Quy chế Quản lý nợ; Quy chế Cho vay, bảo lãnh đối với các doanh nghiệp thành viên; Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản cố định; Quy chế Mua sắm hàng hóa, dịch vụ; Quy chế Quản lý cán bộ và người đại diện phần vốn của VICEM; Quy chế Tuyển dụng lao động; Quy chế Trả lương; Quy chế Thi đua khen thưởng; Quy định chi tiêu nội bộ; Quy định về quản lý sử dụng công cụ, dụng cụ; Quy định về công tác kiểm kê; Quy định quản lý, khai thác và sử dụng hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin... Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để kiểm tra, giám sát và góp phần nâng cao hiệu quả công tác TK, CLP.

- Tiếp tục thực hiện số hóa các lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ, tài chính, môi trường và văn phòng theo lộ trình phù hợp, nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 1166-NQ/ĐU ngày 29/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ VICEM “về Thực hiện chuyển đổi số trong Tổng công ty Xi măng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quán triệt tinh thần

của Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước trên cơ sở hiện trạng và nguồn lực của từng đơn vị.

3. Một số chỉ tiêu tiết kiệm, chống lãng phí và các giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong các lĩnh vực hoạt động, quản lý

3.1. Tiết kiệm, chống lãng phí trong chi phí quản lý, sử dụng vốn, tài sản

- Một số chỉ tiêu tiết kiệm:

+ Về tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý (không bao gồm lương và các khoản trích theo lương, khấu hao, thuế phí, trích lập dự phòng) phấn đấu thực hiện tiết giảm so với thực hiện năm 2025 và từ 3% đến 5% trở lên so với Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được phê duyệt.

+ Về chi phí tài chính: giảm tỷ lệ chi phí tài chính/doanh thu thuần, nâng cao hệ số khả năng thanh toán lãi vay ICR.

+ Tiết giảm chi phí đầu tư, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin từ 3% đến 5%.

+ Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, áp dụng CNTT vào các hoạt động quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh của VICEM và các công ty thành viên để tối ưu hóa sản xuất, giảm chi phí.

- Các giải pháp thực hiện cơ bản gồm:

+ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo tính khả thi và tích cực trên cơ sở bám sát điều kiện thực tế, tình hình biến động thị trường.

+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VICEM và các công ty thành viên; có các giải pháp đồng bộ, kịp thời nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ Thường xuyên giám sát chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng đảm bảo tiết kiệm; không chi những khoản chưa thực sự cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản lý tài chính, chủ động cân đối các nguồn lực tài chính để đảm bảo sử dụng vốn kinh doanh hiệu quả, tăng cường công tác thu hồi công nợ, quản lý và xử lý nợ tồn đọng theo quy định.

+ Cân đối nhu cầu vốn để sử dụng vốn vay hiệu quả, đàm phán với các tổ chức tín dụng giảm lãi suất, đồng thời khai thác các nguồn tín dụng mới có lãi suất cạnh tranh để đảm bảo lãi suất vay ở mức thấp nhất.

+ Rà soát và có giải pháp xử lý vật tư tồn kho ứ đọng, các tài sản không sinh lời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường ứng dụng CNTT trong các hoạt động chỉ đạo điều hành của đơn vị; khai thác hiệu quả các hệ thống phần mềm hiện có trong toàn VICEM như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hội nghị, hội thảo trực tuyến; Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP; phần mềm báo cáo quản trị; các hệ thống phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ... Đồng thời, VICEM và các công ty thành viên khai thác tối đa trang thiết bị công nghệ thông tin sẵn có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, giảm văn bản, giấy tờ hành chính.

+ Tăng cường ứng dụng các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, vận hành và khai thác hệ thống CNTT nhằm tự động hóa các tác vụ lặp lại, hỗ trợ phân tích dữ liệu phục vụ điều hành, tối ưu sử dụng hạ tầng và hạn chế phát sinh các khoản chi đầu tư, sửa chữa, mua sắm mới chưa thật sự cần thiết.

+ Tiết kiệm tối đa chi phí quảng cáo, hội nghị, hội thảo, chi phí lễ tân khánh tiết, tăng cường họp trực tuyến kết hợp các nội dung để tổ chức hội nghị đảm bảo đúng nội dung, thành phần tham dự nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại và hiệu quả.

+ Bố trí phương tiện đi công tác hợp lý, kết hợp cùng tuyến đường, đến cùng một đơn vị.

+ Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng theo khuyến cáo của nhà sản xuất các thiết bị như máy phát điện, thang máy, điều hòa nhiệt độ, các phương tiện đi lại để tăng tuổi thọ của thiết bị, giảm tiêu hao nhiên liệu, tránh xảy ra các hư hỏng dẫn đến tăng chi phí sửa chữa.

+ Thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết kiệm các chi phí tiếp khách, điện, nước, công tác phí, điện thoại, văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí, xăng dầu và các chi phí hành chính khác.

+ Hạn chế việc mua sắm máy tính, máy in, thiết bị CNTT mới nếu chưa thực sự cần thiết; trang bị máy tính, thiết bị CNTT theo đúng định mức, tiêu chuẩn.

+ Ban hành và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển VICEM giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, giảm các đầu mối trung gian và tổ chức, sắp xếp lại các công ty con; tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển; xử lý tồn tại, tháo gỡ khó khăn tại các công ty bị thua lỗ... để nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động.

3.2. Tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác, sử dụng tài nguyên

- Mục tiêu:

+ Tận dụng tối đa nguồn đá vôi, đá sét và nguồn nguyên liệu khác (nếu có) để sản xuất clinker, xi măng.

+ Thực hiện khai thác khoáng sản và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Giải pháp:

+ Thực hiện khai thác, sử dụng đá vôi, sét tuân thủ theo đúng Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đã được cấp; tận thu tối đa khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác mỏ để sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên mỏ.

+ Tăng cường sử dụng các loại nguyên vật liệu thay thế, tro, xỉ, thạch cao nhân tạo trong sản xuất clinker, xi măng để sử dụng tiết kiệm tài nguyên không tái tạo, nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, phù hợp với Chiến lược phát triển ngành theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020.

+ Theo dõi, hỗ trợ về lĩnh vực kỹ thuật các dự án tận dụng nhiệt thừa phát điện tại các công ty sản xuất xi măng thuộc VICEM.

+ Rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất; kịp thời cập nhật, điều chỉnh giấy phép môi trường và các thủ tục liên quan

đến khai thác khoáng sản, cải tạo và phục hồi môi trường, bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

3.3. Tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sản xuất

- Mục tiêu:

+ Không để xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng, không phát sinh mới bệnh nghề nghiệp và không để xảy ra cháy nổ.

+ 100% các cơ sở sản xuất xi măng thuộc VICEM đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ 100% các cơ sở đảm bảo yêu cầu về hồ sơ pháp lý về BVMT; thực hiện khai thác khoáng sản và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

+ Tối ưu hóa vận hành các công trình, thiết bị bảo vệ môi trường hiện có; hạn chế phát sinh chi phí do vận hành không hiệu quả.

+ Đảm bảo chỉ số ô nhiễm khí thải dưới ngưỡng của giấy phép môi trường và các quy chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 19:2024/BTNMT; QCVN 41:2025/BNMT về khí thải công nghiệp.

+ Tất cả các công ty sản xuất xi măng thuộc VICEM đảm bảo yêu cầu về hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.

- Giải pháp:

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQCP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý, sản xuất và bán hàng; Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng, tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh theo Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường sử dụng nguyên, nhiên liệu thay thế; nghiên cứu sản xuất sản phẩm xi măng xanh, xi măng xỉ và các loại xi măng xuất khẩu chất lượng cao ít phát thải CO₂ đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

- Bám sát tình hình thực tế, phối hợp chặt chẽ giữa sản xuất, tiêu thụ và quản lý tồn kho để rà soát, xây dựng các kịch bản và linh hoạt lựa chọn phương án chạy lò hiệu quả nhất tương ứng với cơ cấu, chủng loại than sử dụng, tối ưu vận hành, tồn kho clinker để không phát sinh thêm clinker đổ ra bãi. Bên cạnh đó có phương án bảo quản nhằm hạn chế suy giảm chất lượng clinker.

+ Duy trì hoạt động liên tục, ổn định và tin cậy của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, phục vụ công tác giám sát và quản lý môi trường.

+ Rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy trình, quy định đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; thường xuyên theo dõi, giám sát tình trạng an toàn của máy móc, thiết

01
ÔN
IG
MÀ
TN
HỒ

bị, nhà xưởng, kho tàng và nơi làm việc; có giải pháp kỹ thuật để ngăn chặn, hạn chế tiếp xúc, giảm thiểu tác hại các yếu tố nguy hiểm, có hại cho người lao động.

+ Triển khai kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định.

+ Đổi mới phương thức quản lý, giám sát và thực hiện các biện pháp BVMT theo nguyên tắc phòng ngừa là chủ đạo; đẩy mạnh các giải pháp dự đoán ô nhiễm làm nền tảng. Áp dụng trí tuệ nhân tạo AI vào công tác quản lý bảo vệ môi trường.

+ Hiệu quả hóa hoạt động của các thiết bị bảo vệ môi trường hiện có, nâng cấp, chuyển đổi phù hợp với các nguồn lực và điều kiện thực tiễn tại đơn vị để đáp ứng các yêu cầu của pháp luật bảo vệ môi trường (giấy phép môi trường, kế hoạch giảm phát thải...).

+ Duy trì hoạt động liên tục, ổn định, tin cậy hệ thống quan trắc khí thải online; Khắc phục triệt để vị trí chất lượng khí thải không ổn định; duy trì chế độ vận hành ổn định và nâng cao chất lượng sửa chữa thiết bị, đặc biệt các thiết bị lọc bụi. Triển khai kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường giai đoạn 2026 - 2030.

+ Tăng cường kiểm soát việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt đối với khí thải, nước thải và chất thải rắn; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo 100% các cơ sở sản xuất xi măng đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

+ Triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát khí thải; tối ưu hóa vận hành, tăng cường bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị lọc bụi; khắc phục triệt để các vị trí có chất lượng khí thải chưa ổn định, bảo đảm nồng độ bụi sau xử lý đáp ứng các quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT; QCVN 41:2025/BNNMT.

+ Nâng cao kỹ năng đánh giá mức độ mối nguy và phân loại nguy cơ rủi ro gây mất an toàn vệ sinh lao động; tăng cường nguồn lực đầu tư thực hiện biện pháp ngăn chặn đối với nguy cơ gây mất an toàn cao; hoàn thiện, ban hành bộ chuẩn an toàn theo 10 chủ đề, định kỳ/đợt xuất tiến hành Audit an toàn.

+ Triển khai đầy đủ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị, đảm bảo luôn duy trì chế độ hoạt động thường trực của hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy bằng nước và hệ thống khác theo quy định.

+ Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo rủi ro môi trường làm việc của người lao động, chuyển đổi số trong tuyên truyền, giám sát chấp hành quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

+ Theo dõi, đôn đốc các công ty thành viên thực hiện các chỉ tiêu tiêu hao vật tư cho sản phẩm sản xuất bám sát theo kế hoạch đã xây dựng.

+ Phối hợp, hỗ trợ đơn vị trong công tác sửa chữa lớn theo kế hoạch, khắc phục sự cố theo đúng tiến độ.

3.4. Tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục bám sát diễn biến thị trường từng địa bàn tiêu thụ, đánh giá hiệu quả từng chủng loại sản phẩm, xây dựng giá bán và chính sách bán hàng linh hoạt để tăng sản lượng, thị phần. Xây dựng chính sách bán hàng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, đảm bảo công bằng, minh bạch.

- Áp dụng số hóa trong tiêu thụ trên diện rộng: quản lý đặt hàng, hệ thống phân phối, phương tiện vận tải, logistics...

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các công ty thành viên trong việc chấp hành kỷ cương phối hợp thị trường về địa bàn, giá bán để hạn chế cạnh tranh nội bộ giữa các đơn vị.

- Hàng quý các đơn vị trong VICEM đánh giá hiệu quả các chương trình Marketing đã triển khai; rà soát các chương trình chưa thực sự cần thiết, tập trung vào các chương trình mang lại hiệu quả đối với công tác bán hàng, phấn đấu tiết giảm tối thiểu 5% chi phí Marketing (đặc biệt là các hoạt động hội nghị, hội họp về công tác tiêu thụ) đã xây dựng trong kế hoạch tiêu thụ năm 2026.

3.5. Tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý việc mua sắm, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị làm việc

- Định kỳ thu thập thông tin giá nguyên nhiên vật liệu, làm cơ sở để tham khảo giá, tăng hiệu quả trong công tác mua sắm.

- Xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch ngân sách cho mua sắm vật tư đầu vào, phụ tùng, thiết bị lẻ đúng, đủ và sát nhu cầu sử dụng trong năm.

- Thực hiện các hình thức mua sắm đảm bảo tính cạnh tranh, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế, quy định nội bộ của đơn vị. Áp dụng triệt để công nghệ thông tin vào công tác mua sắm, công tác quản lý nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng, thiết bị đã mua sắm.

- Các công ty thành viên định kỳ thực hiện rà soát công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ, đàm phán với các nhà cung cấp để giảm giá nguyên nhiên vật liệu, vật tư phụ tùng nhằm tối ưu hóa các chi phí đầu vào, tiết giảm chi phí sản xuất

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, vật tư, thiết bị trong nước sản xuất; chú trọng sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nội bộ (than, thạch cao, vỏ bao xi măng, 2 gạch kiêm tính, vận tải...) nhằm chủ động nguồn nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất và tối đa hóa lợi ích chung của VICEM.

- Hạn chế tối đa việc mua sắm tài sản, phương tiện mới nếu thấy chưa thực sự cần thiết. Thực hiện kiểm kê định kỳ theo quy định để phân loại, đánh giá, xác định các tài sản không có nhu cầu để điều chuyển nội bộ sang đơn vị có nhu cầu hoặc bán thanh lý để thu hồi vốn kinh doanh.

- Thực hiện rà soát, phân loại vật tư, phụ tùng, thiết bị tồn kho ứ đọng, chậm luân chuyển, đề xuất hướng xử lý trước khi thực hiện công tác mua sắm mới. Chỉ thực hiện mua sắm những nội dung thực sự cần thiết sau khi đã cân đối sử dụng tối đa các lượng tồn kho hiện có.

- Nâng cao trách nhiệm của cá nhân, tập thể đối với việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định về công tác mua sắm, nghiệm thu, về thời gian sử dụng của vật tư, phụ tùng, thiết bị lẻ.

3.6. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý vốn đầu tư xây dựng

- Phân đầu tiết kiệm từ 1 đến 5 % giá gói thầu trong công tác lựa chọn nhà thầu các dự án.

- Xem xét, nghiên cứu kỹ sự cần thiết đầu tư, mục tiêu, quy mô và tổng mức đầu tư của các dự án từ khi thực hiện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi.

- Rà soát, xem xét mức độ ưu tiên của từng dự án để tập trung nguồn lực thực hiện và lập tiến độ chi tiết cho từng dự án để đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát từ bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng nhằm phát hiện, ngăn ngừa những hành vi vi phạm, tránh lãng phí để nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt thông tin, hỗ trợ xử lý kịp thời các phát sinh, vướng mắc cụ thể trong quá trình triển khai dự án của từng đơn vị.

- Tích cực bám sát để bổ sung, giải trình về các nội dung và hồ sơ có liên quan với các cấp thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoàn thành thủ tục liên quan đến quy hoạch, đầu tư xây dựng, bồi thường GPMB, thuê giao đất,...

- Khẩn trương thực hiện việc kiểm toán, quyết toán các gói thầu, dự án ngay sau khi thực hiện hoàn thành; thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn dự án đầu tư xây dựng theo quy định.

- Thiết lập hệ thống quản lý, lưu trữ hồ sơ tài liệu dự án kịp thời, đầy đủ, khoa học.

- Triển khai công tác đầu tư xây dựng phải tuyệt đối tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế Quản lý đầu tư xây dựng của VICEM và các công ty thành viên.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, làm rõ thực trạng của từng dự án thua lỗ, kém hiệu quả và có phương án xử lý hợp lý, kịp thời, giảm thiểu tối đa tổn thất.

3.7. Tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế trả lương, thang bảng lương theo chức danh và hiệu quả công việc, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh tại VICEM.

- Thực hiện việc sắp xếp, bố trí lao động hợp lý phù hợp với năng lực, trình độ và yêu cầu vị trí chức danh công việc, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2026 phù hợp với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, bám sát thực tế.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự tại Công ty mẹ - VICEM để tối ưu hóa quy trình làm việc, giảm thiểu thời gian lãng phí và nâng cao hiệu quả công việc.

- Thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả công việc (KPI) của cán bộ công nhân viên để phát hiện kịp thời những vấn đề trong thực hiện công việc và có biện pháp khắc phục.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nội quy, quy chế, kỷ luật lao động, định biên lao động, phân phối tiền lương.

- Tạo điều kiện để CBCNV đóng góp ý tưởng cải tiến quy trình làm việc, từ đó giảm thiểu lãng phí, thực hiện các giải pháp phù hợp để tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm, chi phí tiếp khách, các chi phí liên quan...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các đơn vị thuộc VICEM

- Xây dựng Chương trình hành động cụ thể về TK, CLP của đơn vị mình: cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra; quy định thời hạn thực hiện và hoàn thành; phân công đơn vị, người chịu trách nhiệm từng khâu công việc; thường xuyên rà soát kết quả thực hiện và có biện pháp xử lý kịp thời các sai phạm về TK, CLP, trong đó số liệu về kế hoạch tiết kiệm thể hiện ở Phụ lục 01 đính kèm; gửi Chương trình hành động về VICEM trước ngày 10/3/2025.

- Lập báo cáo TK, CLP bằng văn bản gửi về VICEM định kỳ 6 tháng đầu năm 2026 trước ngày 25/6/2026 và báo cáo năm 2025 trước ngày 04/01/2027 để VICEM tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

- Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Phụ lục 01, 03, 04 ban hành kèm theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính; báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về TK, CLP và các văn bản liên quan khác.

2. Đối với các Phòng/Ban của VICEM

- Phòng Tài chính Kế toán: Chủ trì, phối hợp với các Phòng/Ban chức năng theo dõi, đôn đốc xây dựng và thực hiện Chương trình TK, CLP của VICEM. Tổng hợp báo cáo kết quả TK, CLP của toàn VICEM, báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

- Các Phòng/Ban VICEM phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán rà soát, kiểm tra công tác tiết kiệm, chống lãng phí của các công ty thành viên và tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Đối với Người đại diện phần vốn của VICEM tại các công ty liên doanh, liên kết của VICEM

Người đại diện phần vốn của VICEM có trách nhiệm đề nghị công ty nơi mình làm đại diện phần vốn của VICEM triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về TK, CLP thiết thực, hiệu quả phù hợp với tình hình, điều kiện của công ty. /.

BIỂU MẪU KẾ HOẠCH CÔNG TÁC TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Năm 2026

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả TK, CLP năm 2025	Kế hoạch TK, CLP năm 2026	So sánh KH2026/ TH2025 (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh					
1	Tiết kiệm nguyên vật liệu	Triệu đồng				
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Triệu đồng				
2.1	Tiết kiệm điện	kw/h				
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	lít				
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng				
4	Tiết kiệm ưu áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng				
5	Các nội dung khác					
5.1	Tiết kiệm chi phí bán hàng	Triệu đồng				
5.2	Tiết kiệm chi phí tài chính	Triệu đồng				
5.3	Tiết kiệm chi phí khác	Triệu đồng				
II	Quản lý đầu tư xây dựng					
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án				
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	*			
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được					
3.1	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng				
3.2	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh ...	Triệu đồng				
3.3	Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng				
3.4	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng				
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn					
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	Dự án				
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng				
5	Các nội dung khác	Triệu đồng				
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN					
1	Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng				
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng				
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	Triệu đồng				
IV	Mua sắm phương tiện	Triệu đồng				
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con					
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc				
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc				
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng				
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc				
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng				
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ					
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc				
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng				
V	Nợ phải thu khó đòi					
1	Số đầu kỳ	Triệu đồng				
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng				
VI	Vốn chủ sở hữu					
1	Số đầu năm	Triệu đồng				
2	Số cuối kỳ	Triệu đồng				

420
★